

HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM (02A)

VŨ TUYẾN HOÀNG

Kế thừa các chương trình trước đó, chương trình 02A đã phát huy và đạt được kết quả tương đối khả quan; các kết quả nhanh chóng được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên giống cây, quy trình thâm canh cho vùng hạn, úng sâu, vùng bị đạo ôn... vẫn chưa được đáp ứng. Chương trình đã xác định mục tiêu nghiên cứu phục vụ trong thời gian 2 năm tới và lâu dài hơn nữa.

CHƯƠNG trình cây lương thực cây thực phẩm 02A kế tục các chương trình lúa 02-01, chương trình mau 02-02 và một số chương trình khác, tập hợp lại thành một chương trình tương đối toàn diện từ khâu làm đất, gieo trồng, chăm bón và bảo vệ thực vật đến khâu thu hoạch và chế biến sản phẩm cây lương thực và cây thực phẩm. Do nội dung phong phú và đa dạng, chương trình bao gồm nhiều vấn đề: chọn tạo giống lúa và xây dựng qui trình thâm canh lúa, qui trình canh tác lúa cho các vùng khó khăn; chọn tạo giống ngô và xây dựng qui trình thâm canh ngô; chọn tạo các giống cây có củ (khoai lang, sắn, khoai tây), các giống đỗ đậu và xây dựng qui trình thâm canh và tăng năng suất đối với các loại cây này, xây dựng hệ thống cây trồng nối chung, hệ thống công cụ và máy móc nông nghiệp, các biện pháp nâng cao hiệu quả bón phân và cải tạo đất, các biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu bệnh; các biện pháp duy trì và tăng chất lượng trong bảo quản, sơ chế, chế biến sản phẩm cây lương thực và thực phẩm. Chương trình đã tập hợp các viện, trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, trung học nông nghiệp tham gia, phân công các đồng chí phụ trách các đề tài nghiên cứu, giao

trách nhiệm quản lý và ký hợp đồng với các nhà khoa học và tập thể để thực hiện chương trình. Chương trình được tiến hành từ 1986 đến nay, đã có một số biện pháp cải tiến trong việc thực hiện chương trình nhằm nâng cao hiệu quả. Trong năm 1988, chương trình đã thực hiện khoán sản phẩm, giao kinh phí đề tài và phân chia kinh phí cho các đơn vị. Do việc quản lý chương trình trong phạm vi cả nước có khó khăn, Ban chủ nhiệm chương trình đã thành lập hai ban thư ký ở phía Bắc và phía Nam, qui định chế độ kiểm tra việc thực hiện ở từng cơ quan. Năm 1988, Ban chủ nhiệm chương trình đã tiến hành kiểm tra, nghe ý kiến đóng góp của nhiều cơ quan phía Bắc và phía Nam để cải tiến hoạt động chương trình.

Hoạt động của chương trình 02A đã có những thuận lợi cơ bản như đã có kinh nghiệm hoạt động của các chương trình trước đây, sự tích cực và tinh thần trách nhiệm của các cơ quan và các nhà khoa học phụ trách các đề tài, sự hưởng ứng tích cực của địa phương trong việc ký kết các hợp đồng xây dựng các mô hình sản xuất thử, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật của chương trình. Tuy nhiên vẫn còn những khó khăn cần được giải quyết: 100% các cơ quan đều có

ý kiến: kinh phí nhà nước cấp cho chương trình quá ít (có nhiều nơi chỉ chiếm 20 - 30% kinh phí cần thiết cho triển khai đề tài), kinh phí phân phối quá muộn nên thường không kịp thời vụ, cuối năm đưa dồn kinh phí ảnh hưởng đến việc thực hiện. Hiện trạng thông tin, phương tiện giao thông yếu kém đã ảnh hưởng lớn đến sự liên hệ giữa các cơ quan thực hiện chương trình.

Ban chủ nhiệm chương trình hoạt động chưa đều từ phía Bắc đến phía Nam do xa về địa lý nên tuy đã đặt bộ phận thường trực tại phía Nam, nhưng vẫn còn liên hệ chưa thường xuyên. Tổ chức quản lý chương trình của nhà nước còn nặng về giấy tờ hành chính, chưa có sự đổi mới cơ bản. Hoạt động KHKT đối với cây trồng trong nông nghiệp từ lâu đã trở thành một động lực của sản xuất, tuy nhiên chưa được thực sự coi trọng trong việc đặt chính sách đặc biệt chính sách đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất thay đổi luôn, thiếu sự nghiên cứu toàn diện, cụ thể và thiếu tầm nhìn xa,

Trong năm 1989, Chương trình 02A dự định sẽ tiến hành cụ thể và sâu sắc hơn từng vấn đề bằng cách trao đổi kỹ trong từng nhóm và các cơ quan chủ quản đề tài. Nhiều nội dung của tiến bộ KHKT cần được dự kiến và bàn bạc trước để có thể đạt được kết quả sau đó quá trình nghiên cứu. Đối với việc nghiên cứu các qui trình kỹ thuật mới, thời gian cần thiết từ 2 đến 3 năm là tối thiểu, đối với công tác chọn tạo giống mới, thời gian cần thiết từ 3 đến 5 năm hoặc nhiều hơn nữa. Nếu mỗi năm có thể làm được 2 vụ đối với một loại cây trồng, công tác chọn giống cũng cần tối thiểu 3 năm để giống mới bước đầu ổn định nhưng trường hợp này thường là hiếm. Như vậy, để thực hiện Chương trình có hiệu quả, có thể chia Chương trình thành hai loại nội dung lớn: hoàn thiện công trình nghiên cứu đã đưa vào sản xuất thử trong thời gian trước mắt, tiến hành các công trình nghiên cứu để chuẩn bị cho thời gian tới, sớm nhất là 5 năm sau, có thể 10 năm sau hoặc dài hơn nữa trong tương lai. Vì thế, đòi hỏi các chủ nhiệm đề tài phải có trình độ, kiến thức, đặc biệt là tầm nhìn xa đối với sự phát triển của KHKT và sản xuất nông nghiệp.

Từ chương trình lúa 02-01 tiến hành trong khoảng 1981 - 1985, đã có nội dung xây dựng các vùng thâm canh lúa, xây dựng các vùng tăng năng suất lúa trong điều kiện khó khăn. Hai hướng này đã được tiến hành song song, giai đoạn đầu ưu tiên hướng thâm canh tăng năng suất, tiếp theo đây mạnh hướng giải quyết cho các vùng khó khăn. Chú trọng này là đúng. Trong thời gian đầu, nhiều

giống lúa mới kết hợp với qui trình thâm canh đã được đưa vào sản xuất rộng như các giống thấp cây thâm canh NN75 - 1, NN75 - 2, NN75 - 3, Xuân số 2 C37, 1548, V14, các giống nhập nội IR, v.v... Thời gian sau, nhiều giống lúa có tính chống chịu với các điều kiện khó khăn đã được đưa vào sản xuất như các giống lúa cao cây chịu ngập úng U14, U17, C10 và nhiều giống khu vực khác hóa có tính chất tương tự, các giống lúa chịu khô hạn từ 1988 đã được khu vực hóa rộng rãi như CH1, CH2, CH3, CH4 CH5, CH133 và nhiều giống chịu hạn khác. Hiện nay, còn thiếu những loại giống lúa mới chịu chua mặn, chịu phèn ở mức độ cao, còn chưa tạo ra được những giống lúa mới có khả năng vươn cao như lúa nổi địa phương để giải quyết những vùng nước sâu trên một mét đến trên hai mét ở đồng bằng sông Cửu Long. Tuy vậy đã có những giống lúa chọn lọc cải tiến cho các khu vực này. Dự tính đến năm 1990, qua hoạt động của chương trình, sẽ xác nhận thêm một số giống lúa mới thâm canh đạt tiêu chuẩn đối với nhiều vùng thâm canh khác nhau. Hiện có 40 giống lúa do các cơ quan của ta lai tạo gây đột biến hoặc nhập nội từ Viện lúa quốc tế IRRI đang được khu vực hóa và đánh giá tiếp tục. Đồng thời đưa các giống mới thâm canh sẽ xác định một số quy trình kỹ thuật thâm canh đông xuân, hè thu và mùa ở các vùng sinh thái chủ yếu của đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng và các vùng khác để đưa diện tích thâm canh lúa cả năm (tính đến vụ đông xuân 1990 - 1991) đạt 40 - 50% tổng diện tích gieo trồng lúa với năng suất bình quân từ 4 tấn/ha trở lên. Từ nay đến vụ mùa 1990 phấn đấu đưa diện tích các giống lúa mùa năng suất cao loại U, C hoặc như loại IR42 chiếm khoảng 30 - 40 vạn héc ta với quy trình kỹ thuật thâm canh lúa mùa vùng nước sâu nhằm đạt năng suất bình quân 3,8 - 4 tấn/ha.

Trong việc xây dựng chiến lược lương thực và thực phẩm của nước ta đến năm 2000 thời gian qua chỉ mới chú trọng các vùng thâm canh về lúa và màu, đây là các vùng đồng bằng đất trồng tương đối tốt, tưới tiêu tương đối thuận tiện, còn các vùng khó khăn - đặc biệt các vùng thường bị khô hạn nhờ nước trời chưa có hướng giải quyết rõ. Hướng chọn giống lúa trồng cạn và chịu khô hạn, cùng với việc nhập nội các loại cây màu chịu hạn từ nước ngoài (chủ yếu từ Viện nghiên cứu quốc tế cây lương thực vùng khô hạn - ICRISAT) đã đặt cơ sở xây dựng hệ thống cây trồng ở các địa phương thường bị hạn tại đồng bằng, đặc biệt ở các vùng trung du và miền núi nước ta. Những thành tựu này chắc chắn sẽ góp phần bổ sung chiến lược lương thực và thực phẩm trong thời gian tới. Đến vụ

mùa 1990, Chương trình 02A phấn đấu đạt diện tích các giống lúa chịu hạn khoảng 20 - 30 vạn héc ta, xây dựng các diện tích thâm canh nhờ nước trời, hoặc chỉ có một phần tưới bổ sung, đạt 4 tấn/ha trở lên, bao gồm một phần thâm canh vụ đông xuân sử dụng các giống CH. Lúa cạn nhờ nước trời hiện nay chỉ đạt 1,2 - 1,5 tấn/ha, đến 1990 nếu đạt được kế hoạch của chương trình, có thể đưa 40 đến 50% diện tích này đạt năng suất bình quân 2 - 2,5 tấn/ha. Đồng thời với việc đưa các giống mới vào sản xuất, xác định một quy trình canh tác lúa trồng cạn và lúa chịu hạn, trong đó có quy trình trồng lúa vườn. Xây dựng hệ thống luân canh giữa lúa trồng cạn và chịu hạn với các loại cây màu chịu hạn cao như kê, cao lương, đỗ đậu, lạc.

Đẩy mạnh khảo nghiệm các giống lúa chịu hạn, chịu phèn, đề đến cuối vụ mùa 1990 có thể đưa một số giống mới khu vực hóa rộng. Áp dụng trong sản xuất quy trình thâm canh vùng lúa nội (đồng bằng sông Cửu Long).

Trong thời gian qua, các giống ngô lai tổng hợp được tạo ra trong nước đã góp phần quyết định tăng vụ ngô đông ở phía Bắc và phát triển diện tích ngô ở phía Nam và đồng bằng sông Cửu Long. Các giống ngô như VM1, MSB49, TSB2, TSB1, HLS,... được đưa vào sản xuất, các giống khu vực hóa như DT6 và nhiều giống khác. Đến 1990 dự định đưa vào sản xuất 4 giống ngô mới, trong đó có một giống lai đơn sẽ chiếm diện tích 5 - 10 ngàn héc ta ở vùng thâm canh, đồng thời xây dựng hệ thống sản xuất hạt giống ngô lai. Tăng vụ ngô xuân trên đất bỏ hóa của các tỉnh miền núi phía Bắc khoảng 10 - 20 ngàn héc ta. Đưa diện tích ngô đông các tỉnh phía bắc lên 200 - 250 ngàn héc ta để đạt tổng sản lượng ngô trên, 0,5 triệu tấn. Tại đồng bằng sông Cửu Long sẽ tăng một vụ lúa nội với diện tích 3 - 5 ngàn héc ta.

Đối với các loại cây có củ, diện tích tăng lên kết hợp với việc đưa ra các biện pháp bảo quản và chế biến. Đến 1990 đưa thêm vào sản xuất 3 - 4 giống khoai lang mới, trong đó xét các giống mới sau đây đang khu vực hóa: khoai lang số 6, số 8, số 251, khoai lang VX37 - 1, Hưng Lộc 4. Đến vụ đông 1990 - 1991 sẽ công nhận chính thức hoặc loại trừ giống không thích ứng về tiêu chuẩn năng suất, chất lượng dinh dưỡng hoặc chế biến. Góp phần xây dựng diện tích thâm canh khoai lang đạt năng suất bình quân 12 - 14 tấn/ha với quy mô 50 - 60 ngàn héc ta vào năm 1990. Chương trình sẽ xác định cơ cấu giống và quy trình kỹ thuật cho diện tích nói trên.

Về cây khoai tây, đến 1990 phấn đấu góp phần đưa diện tích khoai tây vụ đông phía Bắc đạt 40 ngàn héc ta khoai tây xuất khẩu. Đưa bình quân năng suất khoai tây (khoảng 20 - 30%

diện tích) tăng đạt 12 - 13 tấn/ha (so với hiện nay tăng khoảng 2 - 3 tấn/ha) bằng biện pháp sử dụng giống mới sạch bệnh và quy trình kỹ thuật thâm canh, đối với biện pháp sản xuất khoai tây bằng hạt, đưa diện tích này tăng đến 2000 - 3000 ha với nguồn gốc từ hạt, đưa diện tích các giống khu vực hóa KT6, KT12, khảo nghiệm các giống 371, 386 có khả năng ra hoa kết hạt ở đồng bằng sông Hồng.

Hiện nay các giống đỗ đậu, lạc xuống cấp rất nhiều, tổ chức sản xuất các giống đỗ đậu, lạc chưa được chú ý. Đến 1990, đưa 4 giống đậu tương mới, 3 - 4 giống đậu xanh mới, 2 giống lạc mới vào sản xuất.

Xác định một số quy trình kỹ thuật: biện pháp trồng đậu tương trên đất mạ, tăng năng suất lạc, đậu tương 1,5 lần so với năng suất cũ ở một số vùng sinh thái (đồng bằng sông Hồng, bắc Trung Bộ, đông Nam Bộ) trồng xen giống đậu tương, đậu xanh ngắn ngày giữa hai vụ lúa đông xuân và mùa (đồng bằng sông Hồng, trung du phía Bắc). Đưa diện tích trồng lúa ml, mạch vụ đông lên 5 ngàn héc ta (1990).

Đề đạt các mục tiêu về giống, kỹ thuật canh tác nói trên, biện pháp về đất và phân bón là nhân tố cơ bản quan trọng cùng với biện pháp thủy lợi. Xác định khả năng năng suất các loại đất lúa đồng bằng sông Cửu Long là vấn đề đến nay chưa được giải quyết một cách cơ bản. Một chương trình đang tiến hành nhằm đạt được mục tiêu này, nâng cao hiệu quả kinh tế về bón phân trên các diện tích thâm canh lúa đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long đồng thời với việc xây dựng hệ thống giống cây trồng cần đạt được kết quả vào năm 1990.

Các nghiên cứu về bảo vệ thực vật cần luôn luôn thích ứng với sự thay đổi của hệ thống cây trồng. Biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn đối với lúa ở các vùng sinh thái phải xuất phát trên cơ sở nghiên cứu các nội đạo ôn, về xuất bộ giống lúa kháng đạo ôn kết hợp với phòng trừ tổng hợp. Đối với các loại sâu, như sâu rầy, sâu đục thân, bọ xít trong mấy năm nay gây hại và đe dọa mùa màng. Các giống lúa chống rầy nâu ở phía Nam như IR42, IR8423 (tức CR203) và nhiều giống IR khác đã bị rầy nâu ăn hại, như vậy từ biotype 2 rầy nâu đã chuyển biến thích ứng. Cần nghiên cứu xác định dạng sinh học của rầy nâu hiện nay ở phía Nam để nhanh chóng đối phó - thực tiễn cho thấy trong việc chống rầy nâu cần có biện pháp tổng hợp toàn diện hơn, sử dụng giống chống rầy chỉ là một phần của biện pháp. Xác định biotype rầy nâu phía Bắc cũng cần thiết cho việc tham khảo biện pháp phòng chống rầy. Hoàn chỉnh quy trình phòng

(Xem tiếp trang 33)

qua vốn tự có, qua vay tín dụng và ngân sách nhà nước. Đã xây dựng quỹ phát triển KHKT, còn có cả quỹ bảo hiểm (trích 2% trong lợi nhuận để trang trải cho áp dụng bảo hiểm), quỹ ngoại tệ.

Nhà nước Bungari đang tập trung dự báo theo 17 hướng, căn cứ vào các hướng đề dặt ra các mục tiêu cần thiết, chọn được 4 chương trình chính cho kế hoạch 5 năm lần thứ 9: nghiên cứu những công nghệ gây ra sự nhảy vọt, chương trình phát triển và cải tổ cơ cấu kinh tế quốc dân trong lĩnh vực điện tử, cơ khí, hóa chất, vật liệu mới và năng lượng, chương trình tạo ra những cơ sở nguyên liệu mới, chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng.

Nhà nước Bungari đang soạn thảo dự báo cho năm 2010, chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm lần thứ 10. Lần đầu tiên kế hoạch soạn thảo dự báo được đi vào kế hoạch nhà nước và dự kiến sẽ soạn tổ kế hoạch dự báo (trong đó có dự báo tiến độ phát triển nền kinh tế quốc dân, dự báo cơ cấu nền kinh tế quốc dân, dự báo ngành, dự báo phát triển công nghệ đến năm 2010...). Trong dự báo được bàn soạn và quan tâm đến các vấn đề: khả năng thực thi, tính ứng dụng, hiệu quả của dự báo. Đề tiến hành dự báo đã sử dụng kỹ

thuật tính toán (máy tính điện tử) và sức liên đồng thời cho nhiều tập thể chuyên gia cùng soạn thảo 1 đề tài đề lựa chọn được chính xác hơn. Bungari cũng đang nghiên cứu những phương pháp tổ chức để dự báo trở thành thường xuyên hơn và tập trung xây dựng 1 kho dữ liệu rất lớn, phát triển mạng lưới cộng tác viên, chú trọng đến công tác đào tạo bồi dưỡng để có đội ngũ soạn thảo dự báo soạn thảo chiến lược.

Về chiến lược hợp tác quốc tế - Bungari tham gia hợp tác với khối SEV, tham gia 93/94 vấn đề dặt ra, với tổng số 1500 nhiệm vụ (Bungari chủ trì 135 nhiệm vụ thực hiện cơ chế hợp đồng. Nguồn tài chính lấy từ các đơn vị kinh tế tự quản 1 phần do quỹ của bộ kinh tế kế hoạch cung cấp, đến nay đã có 21 nhiệm vụ hoàn thành. Trong hợp tác với các nước cũng có 1 số khuyến khích thay đổi cơ cấu, đổi mới, cho quan niệm đánh giá sản phẩm...).

Mẫu hình cải tổ đổi mới của Bun đang còn tiếp tục, nhiều vấn đề chưa kết luận, song đáng để chúng ta quan tâm và rút kinh nghiệm.

Biên tập: Ngô Tiên Phú

HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH...

(Tiếp theo trang 26)

trừ bệnh khô vằn đối với ngô là cần thiết để phát triển diện tích thâm canh ngô.

Về công cụ và cơ giới nông nghiệp, Chương trình 02A đặt mục tiêu đến 1990 đạt được: phổ biến toàn tỉnh Thái Bình công cụ bốn phần dăm và phòng trừ sâu bệnh (xây dựng mô hình quy mô tỉnh); đưa hệ thống máy bơm nước hướng trực vào sử dụng ở các tỉnh Thái Bình, Hà Bắc, Hà Nội, An Giang; bắt đầu phổ biến công cụ đập chân tuốt lúa, ngô, màu củ, xay xát (công cụ 7 công dụng)

Từ năm 1988, chương trình đã chú ý thực hiện tốt hơn nội dung bảo quản và chế biến nông sản và phấn đấu đạt một số mục tiêu sau đây vào năm 1990: đưa vào áp dụng kỹ thuật thông gió cho lúa sau thu hoạch (dùng điện, máy nổ), ưu tiên áp dụng cho lúa hệ thu ở đồng bằng sông Cửu Long, các biện pháp khác áp dụng cho lúa hệ thu sau thu hoạch (thóc dõ, ngâm dung dịch nước vôi sẽ được phổ biến rộng).

Đưa vào sản xuất các quy trình chế biến nông sản sau đây: quy trình chế biến sợi cây

màu (thành phần 50% ngô, 50% sắn), quy trình sản xuất bánh quy-khoai lang quy mô gia đình hợp tác xã, huyện. Quy trình sản xuất nha khoai lang, nha sắn, sử dụng nấm ngô thay nấm lúa. Quy trình sản xuất sữa đậu tương ở dạng kem (như kem đánh răng), quy trình sản xuất bột đậu tương dinh dưỡng hòa tan có hàm lượng protein cao.

Đề Chương trình cây lương thực và cây thực phẩm 02A cấp Nhà nước được thực hiện thuận lợi hơn, mong có chủ trương giao khoán cho các cơ quan chủ quản duyệt nội dung và tiến độ của chương trình, giám hân cách quản lý hành chính không sát thực tế, nhiều trường hợp gây trở ngại không cần thiết đối với hiệu quả hoạt động của chương trình. Đề nghị bổ sung vào nội dung chương trình những vấn đề cần thiết lâu nay chưa được sắp xếp hợp lý: xây dựng và nghiên cứu quỹ gen cây lương thực và cây thực phẩm; nghiên cứu rau (nhon tạo giống và quy trình canh tác cho các vành đai thành phố, khu công nghiệp).

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh